TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT - TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DSST.
Ngày: 26-4-2019.
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀNỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Đặng Thị Bích Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Nguyễn Văn Học**

  Bà **Nguyễn Thị Chiểu.**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Khuất Tiến Phúc** -Thẩm tra viên Toà án nhân dân PT, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân PT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*: Ông **Nguyễn Đức Trường** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân PT, Thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2018/TLST- DS ngày 21/12/2018 về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-DS ngày 11/4/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Khuất Thị H**, sinh năm 1959; có mặt.

Địa chỉ: Cụm 8, thị trấn Phúc Thọ, PT, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu H1(*tên gọi khác Nguyễn Thị H1*), sinh năm 1967; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Cụm 6, thị trấn Phúc Thọ, PT, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Khuất Thị H trình bày: Do buôn bán hoa quả gần nhau và biết bà H1 làm bên Bảo Hiểm Nhân Thọ PT nên năm 2012 bà H1 nói cho bà H1 vay 20.000.000đ, hàng tháng bà H1 trả lãi thì lấy lãi này để tham gia bảo hiểm, bà đồng ý và đưa cho bà H1 số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu*) đồng. Do quen biết và tin tưởng nên bà đưa tiền cho bà H1 vay không viết giấy tờ gì. Sau khi nhận tiền, bà H1 không trả tiền lãi cho bà, vì vậy rất nhiều lần bà hỏi bà H1 số tiền này nhưng bà H1 không trả và khất nợ. Do không có tiền trả nên ngày 04/6/2016 bà H1tự viết giấy nhận vay nợ bà số tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi 03 năm là 17.000.000đ, tổng số tiền cả gốc và lãi là 37.000.000đ (*Ba mươi bảy triệu đồng)*, nhưng từ đó đến nay

bà H1 không trả tiền lãi và tiền gốc cho bà. Nay bà yêu cầu bà H1 phải trả số tiền gốc 20.000.000đ và 17.000.000đ tiền lãi mà bà H1 đã nhận nợ với bà, tổng số là 37.000.000đ (*Ba mươi bảy triệu đồng)* và tiền lãi của số tiền này theo lãi suất Ngân hàng từ tháng 6/2016 cho đến khi bà H1 trả hết tiền cho bà.

- Tại đơn trình bày ngày 30/12/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 khai: Trong 03 năm trở lại đây bà là người kinh doanh tự do, bà cùng một số người làm ăn đa cấp với các công ty để mưu sinh hàng ngày. Do thiếu hiểu biết và trình độ hạn chế nên đã dẫn đến thất thoát tiền bạc và vay lãi cao, lúc làm ăn được lãi chia nhau, đến năm 2018 các công ty đa cấp bỏ trốn và phá sản, bà phải chịu hậu quả nên có nói với mọi người trong đó có bà Học về việc dừng lãi và xin trả nợ dần.

Tại bản tự khai của bà H1, không ghi ngày tháng năm. Bà H1 lại khai: Bà H cho bà vay 20.000.000đ tiền gốc, bà đã trả 17.000.000đ tiền lãi và 21.000.000đ bà đóng bảo hiểm cho bà H và nhiều lần bà trả không giấy tờ.

Sau khi bà H1 có bản tự khai, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà H1 đến để làm rõ về khoản vay và số tiền mà bà H1 khai đã trả lãi, nhưng bà H1 không có mặt.

Tại phiên tòa, bà Khuất Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà H1 trả tiếp tiền lãi suất nữa, chỉ yêu cầu bà H1 trả cho bà số tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi 8.000.000đ, chứ không phải 17.000.000đ như bà H1 tự tính toán và ghi nhận nợ bà, ngoài số tiền này bà không không yêu cầu bà H1 tiếp tục trả tiền lãi cho bà nữa. Bà H khai: Nguồn gốc số tiền bà cho bà H1 vay là của bà, không liên quan đến chồng và các con bà, và việc bà cho bà H1 vay tiền không liên quan đến chồng con bà H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân PT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thời hiệu và thẩm quyền, Tòa án nhân dân PT đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thời hiệu và thẩm quyền. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26, 35, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải thanh toán cho bà Khuất Thị H số tiền nợ gốc 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi 8.000.000đ, tổng cộng bằng 28.000.0000đ (*Hai mươi tám triệu đồng*).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân PT, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Khuất Thị H khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị Thu H1trả nợ số tiền 37.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân PT đã tống đạt hợp lệ cho bà H1 Thông báo thụ lý vụ án. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất cho bà H1. Lần thứ hai do không giao được cho bà H1 nên Tòa án đã niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bà H1 đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, Bà Nguyễn Thị Thu H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thu H1.

2]. Về nội dung: Do quan hệ quen biết với nhau nên Bà Nguyễn Thị Thu H1có vay tiền của bà Khuất Thị H. Thời điểm vay nợ tiền theo bà H khai vào năm 2012, nhưng không viết giấy. Sau đó, do bà H1 không trả được nợ nên ngày 04/6/2016 bà H1 tự viết giấy nhận nợ tiền gốc và tiền lãi trong 03 năm là 37.000.000đ. Như vậy, thời điểm được các bên xác nhận tại giấy vay tiền là ngày 04/6/2016, số tiền vay là 20.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H1 đề nghị được trả nợ dần tiền gốc và không phải trả lãi. Tòa án đã quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ đối với bà H1, liên quan đến việc bà H1 khai trả tiền lãi 17.000.000đ và 21.000.000đ mà bà H1 đóng tiền bảo hiểm cho bà H, cũng như việc bà H1 cho rằng bà H góp vốn để làm Công ty đa cấp, nhưng bà H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của bà nên không có căn cứ để xem xét. Vì vậy, bà H khởi kiện đòi nợ đối với Bà Nguyễn Thị Thu H1 là có căn cứ, cần chấp nhận.

Theo lời khai của ông Đặng Văn C là chồng bà H1 thì việc bà H1 vay tiền làm gì, ông không biết nên yêu cầu của bà H chỉ đề nghị bà H1 trả nợ là phù hợp. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu bà H1 trả cho bà tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi từ năm 2012 đến năm 2016 là 8.000.000đ, ngoài ra bà không yêu cầu bà H1 phải trả thêm tiền lãi nữa. Xét yêu cầu của bà H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Khuất Thị H. Buộc Bà Nguyễn Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả nợ cho bà Khuất Thị H số tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi 8.000.000đ.

- Về án phí: Theo quy định của pháp luật thì Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu của bà Khuất Thị H được chấp nhận nên bà Học không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự PT, Thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26, 35, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Khuất Thị H.

- Buộc Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải thanh toán cho bà Khuất Thị H số tiền nợ gốc 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi 8.000.000đ, tổng cộng bằng 28.000.0000đ (*Hai mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành về phần tiền phải thanh toán thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Mức lãi suất do các bên tự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm. Nếu các bên không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả áp dụng là 20%/năm.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu 1.400.000đ (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại bà Khuất Thị H số tiền 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005471 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự PT, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Bà Khuất Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thu H1có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
-TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND PT;
- CCTHADS PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đặng Thị Bích Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận
-TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND PT;
- CCTHADS PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đặng Thị Bích Loan

[3] Về lãi suất hai bên đã thỏa thuận lãi trong vòng 3 năm là 17 triệu theo Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số: 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/ năm thì các bên thỏa thuận số tiền lãi vượt mức 150% mức lãi suất cơ quan của Ngân hàng Nhà nước quy định nên khoản tiền lãi trên không được chấp nhận.

Vì vậy, cần phải tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 04/6/2016 hai bên việc giấy vay nợ và có thỏa thuận thời gian tính lãi là 3 năm và từ tháng 6/2016 đến 4/2019 được xác định là 60 tháng.

Lãi suất bà H1 phải thanh toán cho bà Học cụ thể như sau:

20.000.000đ x 0,75% x 60 tháng = 9.000.000đ.

Buộc bà H1 phải trả cho bà Học số tiền 29.000.000đ trong đó tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi tính đên tháng 4/2019 là 9.000.000đ.

[4]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bà Nguyễn Thị Thu H1phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 471; 472; 473; 474; 476; 478 Bộ luật dân sự năm 2005

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điều 35; khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số: 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản

- Cư cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: